

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 02 – Đợt 1

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 12 – 13/02/2025

Ngày cung cấp TT: 14/02/2025

3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống đóng.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cô Đàm	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Cống đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Cống mở hé.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp) Công Như Trác, Công Hữu Bị, Công Cốc Thành, Công Sông Chanh, Công Nhâm Tráng, Công Kinh Thanh, Công Cô Đàm, Công Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Công 3-2, Đập Vùa (CG12), Cầu Chũ (sông Châu Giang).

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh C9, Đầu kênh S17, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Bể hút trạm bơm Quý Độ, Đầu kênh T5.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên. Đầu kênh CG 16,

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cống Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, gió ĐB 6 km/h, độ ẩm 79%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.	7.14	40.3	6.5	0.2	0.241	0.059	301	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cống Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, gió ĐB 8 km/h, độ ẩm 83%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.	7.12	40.7	6.81	0.2	0.225	0.095	284	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
3	Cống Cốc	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, gió ĐB 7 km/h,	7.26	36.7	6.42	0.2	0.326	0.065	318	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	Thành	thông kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	độ ẩm 94%. Không có dòng chảy. Cổng đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.									quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
4	Cổng Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, gió ĐB 8 km/h, độ ẩm 93%. Không có dòng chảy, cổng đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.34	40.5	6	0.2	0.373	0.081	426	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A	
5	Cổng Nhâm Trảng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía	Trời lạnh, nhiệt độ 25°C, gió Đông 4 km/h, độ ẩm 65%. Không có dòng chảy, cổng đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu	7.56	67.1	6.17	0.2	0.435	0.054	487	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	vàng lục.								
6	Công Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời lạnh, nhiệt độ 25°C, gió Đông 4 km/h, độ ẩm 65%. Không có dòng chảy, công đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.41	58.6	6.27	0.2	0.389	0.059	470	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
7	Công Cỏ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên	Trời lạnh, nhiệt độ 25°C, gió Đông 4 km/h, độ ẩm 66%. Không có dòng chảy, công đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu	7.26	26.3	6.07	0.2	0.357	0.072	491	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			vàng lục.								
8	Công Vinh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, gió ĐB 8 km/h, độ ẩm 90%. Không có dòng chảy. Công đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.14	37.2	6.28	0.2	0.249	0.047	392	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải độc thành phố Nam Định.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, gió ĐB 7 km/h, độ ẩm 94%. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	7.28	26.5	6.13	0.2	0.373	0.072	387	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh,	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, gió ĐB 8 km/h, độ ẩm 93%. Dòng chảy chậm từ sông Chanh vào. Nước màu vàng lục.	7.36	24.4	5.93	1.6	0.746	3.551	1536	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
		thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.										B
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, gió ĐB 8 km/h, độ ẩm 90%. Không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	7.15	36.1	6.16	0.2	0.225	0.072	384	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A	
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, gió ĐB 6 km/h, độ ẩm 78%. Không có dòng chảy, công đóng. Mực nước sông Sắt cao hơn sông Châu Giang. Nước màu vàng lục.	7.47	32.1	6.03	0.2	0.451	0.095	428	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, gió ĐB 8 km/h, độ ẩm 83%. Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang, cống mở, mực nước cạn. Nước màu đục.	7.56	24.1	4.54	0.3	0.528	0.081	481	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Cống 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, gió ĐB 9 km/h, độ ẩm 88%. Dòng chảy chậm từ sông Châu Giang vào, cống mở. Nước màu vàng đục.	7.14	26.1	6.72	0.2	0.249	0.081	302	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời lạnh, nhiệt độ 25°C, gió ĐN 9 km/h, độ ẩm 66%. Dòng chảy chậm từ sông Sắt vào, cống mở. Nước màu vàng lục.	7.18	13.8	5.97	0.2	0.373	0.065	421	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
16	Đập Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, gió ĐB 8 km/h,	7.15	26.2	6.68	0.2	0.264	0.063	324	Các chi tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	(CG12)	thông tưới cho Huyện Lý Nhân.	độ ẩm 83%. Dòng chảy chậm từ sông Châu Giang vào. Cổng mở hé. Nước màu vàng lục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, gió ĐB 6 km/h, độ ẩm 78%. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng đục.	7.17	26.1	6.24	0.2	0.536	0.097	321	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời lạnh, nhiệt độ 25°C, gió ĐN 9 km/h, độ ẩm 66%. Nước đứng, không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	7.38	20.8	5.56	0.2	0.404	0.059	520	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
19	Bể hút trạm bơm	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quỳ	Trời lạnh, nhiệt độ 25°C, gió ĐB 4 km/h, độ ẩm 66%.	7.46	22.7	5.21	0.2	0.326	0.070	518	Các chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Quy Độ	Độ.	Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.								trường pH, DO đạt mức B
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, gió ĐB 9 km/h, độ ẩm 88%. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	7.12	24.3	5.16	0.2	0.528	0.097	431	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

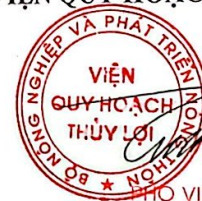
QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn